

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

TRẦN XUÂN HẰNG

**CẤU TRÚC THUẾ VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ DƯỚI VAI TRÒ CỦA TỰ DO
HÓA THƯƠNG MẠI TẠI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN**

Chuyên ngành : Tài chính – Ngân hàng

Mã số : 9340201

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Thành phố Hồ Chí Minh - Năm 2022

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Tài chính – Marketing

Người hướng dẫn khoa học 1: PGS.TS Hồ Thủy Tiên

Người hướng dẫn khoa học 2: TS. Nguyễn Văn Thuận

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường họp tại

.....

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện

.....

.....

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1 Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu

Các nước đang phát triển đã có nhiều nỗ lực nhằm thúc đẩy nền kinh tế và đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ, cụ thể năm 2000 thu nhập bình quân đầu người của các nước đang phát triển trung bình ở mức 1,600 USD/ người thì đến năm 2019 đã xấp xỉ 5,000 USD/ người (Worldbank, 2020). Tuy nhiên vẫn chưa bắt kịp về mức thu nhập bình quân so với các nước phát triển trung bình ở mức 13,000 USD/năm. Vì thế, nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế, việc hoàn thiện các chính sách kinh tế, tài chính mà trọng tâm là chính sách thuế luôn là nhiệm vụ quan trọng của mỗi nước nói chung và của các nước đang phát triển nói riêng (Grđinić, 2017). Chính sách thuế được đặt ra không chỉ nhằm mang lại nguồn thu đơn thuần cho ngân sách, mà chính sách thuế còn có nhiệm vụ quan trọng hơn là định hướng phát triển sản xuất, góp phần tích cực vào việc điều chỉnh các mất cân đối lớn trong nền kinh tế quốc dân, giảm bớt chi phí xã hội và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Qua nhiều thập kỷ, nền kinh tế thế giới đã có những thay đổi đáng kể trong chính sách thương mại, các nước chủ yếu đi theo ba hướng: (1) những hạn chế về quyền thương mại (tức là quyền xuất nhập khẩu) đã được nới lỏng; (2) thuế quan đã được cắt giảm; và (3) các biện pháp phi thuế quan đã được giảm bớt (Baunsgaard & Keen, 2010). Hành động này được cho là tác động làm thay đổi cấu trúc thuế: thuế nhập khẩu giảm và do đó sẽ có khả năng ảnh hưởng đến cấu trúc thuế trong hệ thống thuế nước (Ebrill, Stosky & Gropp, 1999). Điều này cho thấy cần phải thiết kế một cấu trúc thuế phù hợp để vừa thu hút các doanh nghiệp vừa tăng cường phát triển nền kinh tế.

Khi cấu trúc thuế quốc gia thay đổi từ quá trình tự do hóa thương mại, chắc chắn không thể tránh khỏi sự ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Bởi thuế là công cụ cốt lõi trong tay chính phủ để thực hiện các khoản chi tiêu và giúp đạt được các mục tiêu tăng trưởng. Bản chất của thuế có thể giúp dự đoán mô hình tăng trưởng (Romer & Romer, 2010). Musgrave (2004) cho rằng tác động kinh tế của việc đánh thuế bao gồm tác động vi mô đến phân phối thu nhập và hiệu quả sử dụng tài nguyên cũng như tác động vĩ mô đến mức sản lượng, việc làm, giá cả và tăng trưởng. Hay một hệ thống thuế tốt là một trong những phương tiện hiệu quả nhất để huy động nội lực của một quốc gia và nó có lợi cho việc tạo ra môi trường thuận lợi và thuận lợi cho việc thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế (Ogbonna, 2010). Mặc dù có khá nhiều các nghiên cứu về thuế và sự tác động của nó đến tăng trưởng kinh tế. Nhưng đa phần các nghiên cứu tập trung vào việc gia tăng tổng thu thuế, và đánh giá tổng số thu thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế theo chiều hướng nào. Điển hình một số nghiên cứu nổi bật được thực hiện tại các quốc gia đang phát triển, bởi lẽ những quốc gia này xem mục tiêu tăng trưởng kinh tế là nhiệm vụ quan trọng như (Tanzi, 1989; Glenday, 2002; Greenaway, Morgan & Wright, 2002; Suliman, 2005; Cagé & Gadenne, 2012; Ghani, 2011). Các nghiên cứu có sự khác biệt về quy mô dữ liệu, cách thức đo lường cũng như phương pháp luận khi nghiên cứu về chủ đề này đã dẫn đến tìm thấy các kết quả trái ngược nhau về tác động của thuế đến tăng trưởng kinh tế. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến kết quả kiểm định hỗn hợp và chưa thống nhất là sự khác biệt về cấu trúc thuế. Cách phân chia cấu trúc thuế khác nhau ở mỗi nước và

cách chính phủ quan tâm điều chỉnh sắc thuế nào hơn đã dẫn đến các nghiên cứu này chưa cung cấp bằng chứng thực nghiệm một cách toàn diện về tác động của cơ cấu thu thuế đến tăng trưởng kinh tế. Một lý do khác mà các nhà nghiên cứu quan tâm khi tập trung phân tích cấu trúc thuế là bởi những thay đổi trong cấu trúc thuế mở ra khả năng lựa chọn các công cụ tạo nguồn thu cho chính phủ (Hettich & Winer, 1999).

1.2 Mục tiêu nghiên cứu

Luận án này được thực hiện để hướng đến các mục tiêu sau:

Thứ nhất, luận án nghiên cứu tự do hóa thương mại tác động đến cấu trúc thuế tại các nước đang phát triển.

Thứ hai, luận án đánh giá tác động của cấu trúc thuế đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển.

Thứ ba, luận án mở rộng xem xét tác động của cấu trúc thuế đến tăng trưởng kinh tế dưới vai trò của tự do hóa thương mại.

Thứ tư, từ kết quả nghiên cứu của hai mục tiêu trên, luận án sẽ đề xuất một số hàm ý chính sách về cấu trúc thuế, tự do thương mại để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho các nước đang phát triển.

1.3 Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu trên, luận án hướng đến việc trả lời các câu hỏi nghiên cứu như sau:

- (1) Tự do hóa thương mại tác động như thế nào đến cấu trúc thuế tại các nước đang phát triển?
- (2) Tác động của cấu trúc thuế đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển như thế nào?
- (3) Trong bối cảnh tự do hóa thương mại của các nước đang phát triển, cấu trúc thuế tác động như thế nào đến tăng trưởng kinh tế?
- (4) Liệu có sự khác biệt về tác động của cấu trúc thuế đến tăng trưởng kinh tế của các nhóm nước đang phát triển?
- (5) Cần có những hàm ý chính sách gì về cấu trúc thuế và tự do thương mại để hướng đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế?

Câu hỏi (1) giải quyết cho mục tiêu thứ nhất. Mục tiêu thứ hai được trả lời bằng câu hỏi (2). Mục tiêu thứ ba được trả lời ở hai câu hỏi (3) và (4). Kết quả kiểm định ở ba mục tiêu nghiên cứu trên là tiền đề để nghiên cứu trả lời câu hỏi (5) là đề xuất một số gợi ý chính sách tự do hóa thương mại và cấu trúc thuế đến mục tiêu tăng trưởng tại các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng.

1.4 Phương pháp nghiên cứu

Các bước nghiên cứu được tiến hành cho từng mục tiêu cụ thể.

(1) Mục tiêu nghiên cứu thứ nhất đánh giá tác động của tự do hóa thương mại và cấu trúc thuế

Bước 1: Kiểm định tính dừng của chuỗi dữ liệu nghiên cứu

Bước 2: Kiểm tra tính đồng liên kết giữa biến tự do hóa thương mại và cấu trúc thuế

Bước 3: Kiểm định mối quan hệ nhân quả giữa các biến nghiên cứu

Bước 4: Hồi quy mô hình bằng phương pháp DGMM

(2) Mục tiêu nghiên cứu thứ hai đánh giá tác động của cấu trúc thuế đến tăng trưởng kinh tế

Bước 1: Kiểm định tính dừng của chuỗi dữ liệu nghiên cứu

Bước 2: Hồi quy mô hình bằng phương pháp DGMM

(3) Mục tiêu nghiên cứu thứ ba đánh giá tác động của cấu trúc thuế đến tăng trưởng kinh tế dưới vai trò của tự do hóa thương mại

Bước 1: Hồi quy mô hình mở rộng của mô hình ở mục tiêu thứ 2 (với biến tương tác) bằng phương pháp DGMM

1.5 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

1.5.1 Đối tượng nghiên cứu

Các nghiên cứu trước đây chưa thực hiện việc đánh giá đồng thời tác động của tự do hóa thương mại đến cấu trúc thuế và vai trò của tự do hóa thương mại khi cấu trúc thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế trong cùng một mẫu khảo sát. Vì vậy, luận án nghiên cứu sự tác động của cấu trúc thuế đến tăng trưởng kinh tế; vai trò của tự do hóa thương mại lên tác động của cấu trúc thuế đến tăng trưởng kinh tế tại 55 nước đang phát triển giai đoạn 2000 – 2019.

1.5.2 Phạm vi nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu là 55 nước đang phát triển gồm: 6 nước có thu nhập thấp (dưới 1,035 USD); 23 nước có thu nhập trung bình thấp (1,036 đến 4,045 USD); 26 nước có thu nhập trung bình cao (4,046 đến 12,535 USD) trong giai đoạn 2000 – 2019.

1.6 Đóng góp mới của luận án

1.6.1 Về mặt khoa học

Luận án hệ thống các lý thuyết nền tảng, giải thích vai trò của tự do hóa thương mại trong mối quan hệ của cấu trúc thuế và tăng trưởng kinh tế. Dựa trên cơ sở lý thuyết và kết quả lược khảo, luận án chỉ ra được sự tác động của tự do hóa thương mại đến cấu trúc thuế và mối quan hệ giữa cấu trúc thuế và tăng trưởng kinh tế.

Thực hiện phân tích một số lý thuyết, luận án nhận thấy giữa các lý thuyết còn nhiều tranh luận về các yếu tố dẫn đến sự khác biệt trong cấu trúc thuế của các nước. Vì thế, luận án đã góp phần nghiên cứu sâu hơn về mặt lý thuyết cho thấy tự do hóa thương mại là một trong những căn nguyên dẫn đến sự thay đổi cấu trúc thuế. Bên cạnh đó, chứng minh về mặt lý thuyết lẫn thực nghiệm tự do hóa thương mại, cấu trúc thuế và mối quan hệ của chúng đến tăng trưởng kinh tế. Nhìn chung, so với các nghiên cứu trước cùng chủ đề mà tác giả đã tham khảo, luận án có những đóng góp mới như sau:

- Luận án sử dụng lần lượt hai thước đo tự do hóa thương mại khác nhau trong mô hình định lượng thông qua việc sử dụng chỉ số tỷ trọng khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu so với GDP và chỉ số tự do hóa thương mại dựa trên thuế suất bình quân gia quyền và hàng rào phi thuế quan (NTBs). Việc nghiên cứu kết hợp các chỉ số tự do hóa thương mại khác nhau tạo nên góc nhìn tổng quan cho các nhà nghiên cứu khi muốn lựa chọn một chính sách tự do hóa thương mại phù hợp cho điều kiện mỗi quốc gia. Ngoài ra, kết hợp việc xử lý mô hình định lượng bằng các phương pháp hồi quy thích hợp cho bộ dữ liệu

bảng của 55 quốc gia đang phát triển trong giai đoạn 2000 – 2019, tác giả tin rằng kết quả của luận án rất đáng tin cậy và độ chính xác cao.

- Luận án ứng dụng phương pháp định lượng GMM để kiểm định lý thuyết tăng trưởng nội sinh thông qua việc xác định tác động riêng lẻ của từng sắc thuế đến tăng trưởng kinh tế. Từ đó, xem xét tác động này trong bối cảnh tự do hóa thương mại trong mô hình biến tương tác. Mặc dù có sự tương đồng với một vài nghiên cứu trên thế giới tuy nhiên việc nghiên cứu trên mẫu khảo sát 55 quốc gia đang phát triển và mục tiêu nghiên cứu của luận án là không trùng lặp với các nghiên cứu trước đây.

1.6.2 Về mặt thực tiễn

Thuế đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Vấn đề đặt ra là thuế tác động như thế nào đến tăng trưởng kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh tự do hóa thương mại như hiện nay. Tự do hóa thương mại ở các nước đang phát triển trong hai mươi năm qua thường được thực hiện với mong muốn kích thích tăng trưởng. Tuy nhiên bằng chứng về sự tác động này là hỗn hợp. Chính vì vậy, kết quả nghiên cứu của luận án có ý nghĩa thực tiễn cho các nước đang theo đuổi mục tiêu tăng trưởng

Thứ nhất, kết quả nghiên cứu cho thấy mỗi hình thức tự do hóa thương mại đều có những ưu nhược điểm riêng. Nếu các quốc gia đang phát triển lựa chọn tự do hóa thương mại bằng hình thức gia tăng lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu sẽ cải thiện được số thu thuế ngoại thương và thuế thu nhập nhưng lại mất đi một khoản của thuế tiêu dùng. Nếu các quốc gia lựa chọn chiến lược áp dụng mức thuế suất bình quân gia quyền kết hợp với giảm hàng rào phi thuế quan đảm bảo lợi ích của người tiêu dùng nhưng lại gây thiệt hại cho thuế ngoại thương. Nhưng xét trên phương diện tổng thuế chiến lược gia tăng hoạt động xuất nhập khẩu vẫn được ưu tiên lựa chọn về giúp gia tăng tổng thu thuế

Thứ hai, kết quả nghiên cứu cho thấy tác động rõ ràng của cấu trúc thuế đối với tăng trưởng kinh tế. Cấu trúc thuế ở 55 quốc gia được quan sát có tác động khác nhau đến tăng trưởng kinh tế. Tác giả đã chứng minh được tại các quốc gia đang phát triển cấu trúc thuế chủ yếu dựa trên thuế tiêu dùng, sẽ hỗ trợ hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế. Bởi thuế tiêu dùng không dẫn đến sự sai lệch trong các quyết định cá nhân, nó đặt gánh nặng như nhau đối với tiêu dùng hiện tại và tương lai, không gây biến dạng thị trường nên việc gia tăng thuế sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế (Rohac, 2009).

Thứ ba, kết quả nghiên cứu tìm được có sự khác biệt giữa các nhóm quốc gia có cùng mức thu nhập. Khi thu nhập càng cao thì sự phụ thuộc vào thuế thu nhập càng nhiều. Vì vậy, đối với các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình thấp cấu trúc thuế ưu tiên cho thuế tiêu dùng sẽ mang lại hiệu ứng tích cực cho nền kinh tế, song song đó thuế thu nhập cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đóng góp vào ngân sách nhà nước. Đối với các quốc gia có thu nhập trung bình cao chính phủ sẽ không thu lại lợi ích kinh tế bằng cách đánh thuế tiêu dùng mà họ sẽ tập trung vào thuế đánh vào thu nhập.

Thứ tư, kết quả cho thấy, khi các nước đang phát triển duy trì mức tự do hóa thương mại cao sẽ làm giảm tác động tích cực của tổng thu thuế đến tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, chiến lược mở rộng tự do hóa thương mại quá mức có nguy cơ làm xói mòn nguồn thu thuế, tạo ra hiệu ứng ngược với tăng trưởng kinh tế. Để giảm thiểu ảnh hưởng này các nước đang phát triển có thể xem xét điều chỉnh cấu trúc thuế.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, với thuế thu nhập quy mô mở cửa thương mại của một nước lớn sẽ nâng cao vai trò của thuế thu nhập đối với sự phát triển kinh tế. Tự do hóa thương mại quá mức tại các nước đang phát triển cũng không mang lại giá trị tích cực cho thuế tiêu dùng và thuế ngoại thương đối với phát triển kinh tế. Tại các nước có thu nhập thấp và trung bình thấp tiến hành tự do hóa thương mại mang lại những tác động tích cực cho phát triển kinh tế. Nhưng nếu các nước này không chuẩn bị đầy đủ những tiềm lực quốc gia thì tự do hóa thương mại sẽ không thúc đẩy cải thiện mối quan hệ của tổng thu thuế, thuế thu nhập và thuế tiêu dùng đến tăng trưởng kinh tế.

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN LÝ THUYẾT

2.1 Các khái niệm liên quan

2.1.1 Khái niệm tăng trưởng kinh tế

2.1.2 Khung khái niệm về cấu trúc thuế

Các tài liệu nghiên cứu về thuế cũng đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau về cấu trúc thuế - “*tax structure*”. Một trong những tác giả tiên phong giải thích thuật ngữ cấu trúc thuế là Hinrichs (1966), tác giả cho rằng cấu trúc thuế là các sắc thuế có mặt trong hệ thống thuế của một nước, đóng góp theo những tỷ trọng khác nhau tạo nên tổng số thu thuế. Tuy nhiên, ở mỗi nước tỷ trọng đóng góp này khác nhau và vẫn chưa có hệ thống thuế nào tốt nhất được duy trì trong thời gian dài. Hay Hettich & Winer (1984) cho rằng thuật ngữ “cấu trúc thuế” thể hiện hai khía cạnh của hệ thống tài chính. Nó mô tả thành phần hoặc mô hình các khoản thu của chính phủ, tức là sự phân chia các khoản thu đó giữa các nguồn thuế khác nhau.

2.1.3 Khái niệm về tự do hóa thương mại

2.2 Khung phân tích lý thuyết

2.3 Lý thuyết mối quan hệ giữa cấu trúc thuế, tự do hóa thương mại và tăng trưởng kinh tế

2.3.1 Lý thuyết tác động của tự do hóa thương mại đến cấu trúc thuế

2.3.1.1 Lý thuyết tĩnh (Static theory)

2.3.1.2 Lý thuyết động (Dynamic theory)

2.3.2 Lý thuyết thuế trong các mô hình tăng trưởng kinh tế

2.3.2.1 Thuế trong mô hình tăng trưởng Solow

Solow cho rằng dù có thuế hay không, tỷ suất sinh lợi cận biên cuối cùng sẽ giảm xuống R^* do đó việc tích lũy và tăng trưởng cuối cùng chấm dứt. Mô hình Solow với tỷ lệ tiết kiệm không đổi để lại rất ít vai trò cho chính sách thuế trong việc ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng. Tỷ lệ tiết kiệm có thể thay đổi nhưng vẫn sẽ có một số lựa chọn kinh tế hạn chế có thể bị đánh thuế trong khuôn khổ Solow.

2.3.2.2 Thuế trong mô hình tăng trưởng nội sinh

Phát triển các mô hình tăng trưởng nội sinh tạo ra dư địa cho chính sách tài khóa, đặc biệt là chính sách thuế trong việc xác định kết quả tăng trưởng. Barro (1990), King & Rebello (1990) và Jones & ctg (1993) là người tiên phong trong lĩnh vực này. Mức thuế và cấu trúc thuế có tác động đến hành vi tiết kiệm của hộ gia đình và đầu tư vào vốn nhân lực. Mặt khác, công ty cũng thay đổi các quyết định đầu tư và đổi mới theo các chính sách thuế (Johansson & ctg 2008).

2.3.3 Tự do hóa thương mại, cấu trúc thuế và tăng trưởng kinh tế

2.3.3.1 Mô hình hai quốc gia (Two-country Model)

Qua mô hình hai nước cho thấy rằng việc đánh thuế vốn trong nước có ảnh hưởng đến quốc tế.

Thứ nhất, thuế nội địa ảnh hưởng đến việc phân bổ quốc tế đối với nguồn vốn thế giới hiện có.

Thứ hai, thuế nội địa ảnh hưởng đến tăng trưởng quốc tế và cách thức vốn tích lũy theo thời gian.

Thứ ba, phân tích cho thấy rằng tồn tại một sự khác biệt quan trọng giữa tác động của thuế đối với sản phẩm trong nước và tác động lên thu nhập quốc dân (hoặc tiết kiệm), đó là yêu cầu của người dân đối với sản phẩm thế giới.

Cuối cùng, việc đánh thuế trong nước có tác động phân phối xuyên nước.

2.3.3.2 Thuế và tăng trưởng nội sinh trong nền kinh tế mở

Trong nền kinh tế đóng, nền kinh tế phải tích lũy vốn vật chất và con người cho đến khi đạt tỷ lệ vốn - lao động gắn với tăng trưởng. Tuy nhiên, trong nền kinh tế mở, có thể tăng (giảm) vốn trong nước ngay lập tức bằng cách đi vay (hoặc cho vay) trên thị trường vốn quốc tế. Do đó con đường tăng trưởng sẽ đạt được ngay lập tức. Nói cách khác, nếu thuế suất không thay đổi theo thời gian, một nền kinh tế mở nhỏ sẽ không thể hiện động lực chuyển tiếp. Trong các nền kinh tế mở, việc thiết kế hệ thống thuế nước sẽ cần phải xem xét thiết kế hệ thống thuế ở các nước khác, vì các nước đang ngày càng sử dụng hệ thống thuế của mình để cải thiện khả năng cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Toàn cầu hóa cũng có thể làm tăng cơ hội tránh và trốn thuế, đặc biệt là do liên quan đến cơ sở tính thuế thu nhập vốn lưu động. Do đó, tính chất động của cơ sở thuế đóng một phần nào đó trong việc thiết kế cải cách thuế quốc tế giữa các nước có thể cho phép đạt được hiệu quả ở một số lĩnh vực.

2.4 Lược khảo các nghiên cứu thực nghiệm

2.4.1 Tác động của tự do hóa thương mại đến cấu trúc thuế

2.4.2 Tác động của cấu trúc thuế đến tăng trưởng kinh tế

2.4.3 Cấu trúc thuế và tăng trưởng kinh tế dưới vai trò của tự do hóa thương mại

2.5 Khoảng trống nghiên cứu

Qua lược khảo lý thuyết và các nghiên cứu trước, luận án chỉ ra các khoảng trống nghiên cứu như sau:

Với mục tiêu nghiên cứu thứ nhất, các nhà kinh tế vẫn còn nhiều tranh cãi về tác động của tự do hóa thương mại đến cấu trúc thuế. Tác giả nhận thấy mặc dù có nhiều nghiên cứu về tự do hóa thương mại tác động đến thuế hay cấu trúc thuế, nhưng đa số các tác giả chỉ xem xét chỉ số tự do hóa thương mại dựa trên độ mở thương mại là tỷ trọng xuất khẩu và nhập khẩu so với GDP. Đây được xem là chỉ số được dùng phổ biến trong các nghiên cứu. Chỉ vài nghiên cứu xem xét kết hợp các chỉ số tự do hóa thương mại như Agbeyegbe & ctg (2006), Karimi & ctg (2016). Trong khi đó hiện nay có rất nhiều cách đo lường chỉ số độ mở thương mại bên cạnh chỉ số được đề cập phía trên: tỷ trọng nhập khẩu trên GDP, tỷ trọng xuất khẩu trên GDP, chỉ số độ mở thương mại của tác giả Miller & ctg (2021), thuế suất thuế ngoại thương. Mà theo Zahonogo (2017) thì việc sử dụng các chỉ số tự do hóa thương mại khác thường dẫn đến những kết quả nghiên cứu khác nhau.

Vì vậy, trong nghiên cứu này tác giả sẽ lần lượt xem xét hai chỉ số tự do hóa thương mại tác động đến cấu trúc thuế nhằm đánh giá sự khác biệt trong kết quả; đặc biệt chỉ số độ mở thương mại của Miller & ctg (2021) tác giả hiện chưa tìm thấy nghiên cứu nào sử dụng chỉ số này trong nghiên cứu thực nghiệm. Mặc khác dù có nhiều chỉ số tự do hóa thương mại khác nhau được sử dụng, nhưng Yanikkaya (2003,

2018) cho rằng các nghiên cứu thực nghiệm có xu hướng bỏ qua tác động của hàng rào phi thuế quan (NTBs) đối với tăng trưởng mặc dù NTBs ngày càng được sử dụng nhiều trong vài thập kỷ qua. Đa phần các chỉ số tự do hóa thương mại được sử dụng trong các nghiên cứu thực nghiệm chưa đề cập đến NTBs, chính vì vậy ưu điểm nổi bật của chỉ số tự do hóa thương mại của Miller & ctg (2021) là xem NTBs là một tiêu chí trong việc tính toán mức độ tự do hóa thương mại của một nước.

Ở mục tiêu nghiên cứu này, luận án hướng đến trả lời câu hỏi nghiên cứu cụ thể như sau:

(1) Tự do hóa thương mại tác động như thế nào đến cấu trúc thuế tại các nước đang phát triển?

Với mục tiêu nghiên cứu thứ hai và thứ ba, mặc dù đã có các nghiên cứu về chủ đề này song hướng nghiên cứu vẫn còn một số điểm cần được làm sáng tỏ.

Thứ nhất, khi cấu trúc thuế quốc gia thay đổi từ quá trình tự do hóa thương mại, chắc chắn không thể tránh khỏi sự ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Bởi thuế là công cụ cốt lõi trong tay chính phủ để thực hiện các khoản chi tiêu và giúp đạt được các mục tiêu tăng trưởng (Romer & Romer, 2010). Nhưng đa số các nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa cấu trúc thuế và tăng trưởng kinh tế (Arnold & ctg, 2011; Xing, 2012) mà chưa đặt mối quan hệ này dưới sự tác động của tự do hóa thương mại. Trên thực tế, trong bối cảnh hiện tại, tự do hóa thương mại đang chi phối mạnh mẽ đến các mối quan hệ kinh tế. Chẳng hạn, Konan & Maskus (2000) đã cho rằng cấu trúc thuế sẽ thay đổi trong bối cảnh nền kinh tế mở và nền kinh tế đóng. Mặc dù chưa nghiên cứu độ mở thương mại như là một yếu tố trung gian tác động đến mối quan hệ của cấu trúc thuế và tăng trưởng kinh tế nhưng tác giả cũng ngầm khẳng định cú sốc mở cửa nền kinh tế tác động đến cấu trúc thuế. Do đó, tác giả giải quyết khoảng trống nghiên cứu tiếp theo của luận án thông qua trả lời câu hỏi:

(2) Tác động của cấu trúc thuế đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển như thế nào?

(3) Trong bối cảnh tự do hóa thương mại của các nước đang phát triển, cấu trúc thuế tác động như thế nào đến tăng trưởng kinh tế?

Thứ hai, Newbery & Stern (1987) từng cho rằng mỗi quốc gia khác nhau về mức độ phát triển sẽ có chiến lược thay đổi cấu trúc thuế để sao cho mang lại hiệu quả tối ưu cho nền kinh tế. Một số các nghiên cứu trước đây cũng phân chia theo từng nhóm quốc gia trên cơ sở thu nhập như Ormaechea & Yoo (2012); Hakim & Bujang (2013); Yanikkaya & Turan (2019) khi nghiên cứu về những tác động của thuế đến tăng trưởng kinh tế. Nhưng phần lớn các nghiên cứu còn lại chỉ xem xét dựa trên một quốc gia hoặc một nhóm các quốc gia theo khu vực. Vì vậy, trong mẫu quan sát 55 quốc gia đang phát triển, tác giả đã chia thành hai nhóm nhỏ có cùng cấp độ thu nhập là: nhóm có thu nhập thấp và trung bình thấp, nhóm có thu nhập trung bình cao. Ngoài khác biệt về thu nhập, hai nhóm này cũng cho thấy sự khác về mức độ tự do hóa thương mại thông qua kiểm định T – test. Vì thế, việc xem xét sự thay đổi cấu trúc thuế ở từng nhóm quốc gia bên cạnh một mẫu tổng thể là cần thiết để bổ sung cho các nghiên cứu trước đây, từ đó đề xuất các khuyến nghị phù hợp cho từng nhóm quốc gia. Vấn đề này cũng được giải quyết thông qua câu hỏi nghiên cứu:

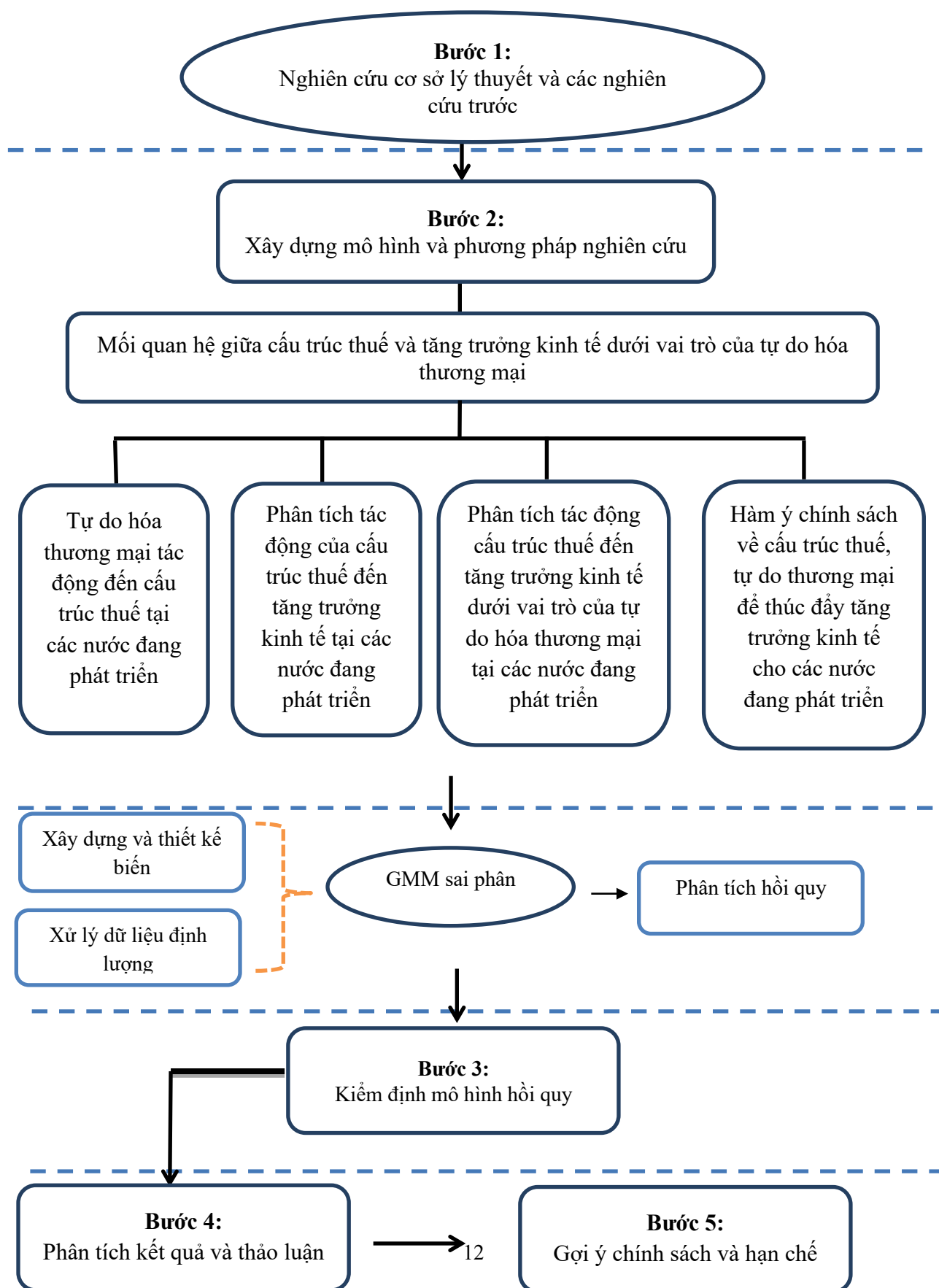
(4) Liệu có sự khác biệt về tác động của cấu trúc thuế đến tăng trưởng kinh tế của các nước có thu nhập thấp - trung bình thấp và trung bình cao?

Với mục tiêu nghiên cứu thứ tư, tác giả đề xuất một số hàm ý chính sách về tự do hóa thương mại, điều chỉnh cấu trúc thuế và tăng trưởng kinh tế dựa trên kết quả nghiên cứu. Theo đó, tác giả nhận thấy chưa có nghiên cứu nào so sánh cấu trúc thuế của Việt Nam với các nước có cùng khung thu nhập trong nhóm các nước có thu nhập trung bình thấp. Ngoài ra, từ kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy mối quan hệ giữa cấu trúc thuế và tăng trưởng kinh tế khác nhau ở các nhóm nước. Vì vậy cần có những chính sách riêng cho những nhóm nước có tính chất tương đồng.

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Quy trình nghiên cứu

Hình 3.1. Sơ đồ nghiên cứu chi tiết



3.2 Lựa chọn biến và mô hình nghiên cứu đề xuất

3.2.1 Tự do hóa thương mại tác động đến cấu trúc thuế tại các nước đang phát triển

Mô hình thực nghiệm có dạng:

$$Tax\ share_{it}^j = \beta_0 + \beta_1 OPEN_{it} + \beta_2 \ln GDP_{it} + \beta_3 AGR_{it} + \beta_4 GOV_{it} + \beta_5 INF_{it} + \varepsilon_{it} \quad (1a)$$

Trong phương trình 1a:

- *Biến phụ thuộc:*

- $Tax\ share_{it}^j$ đại diện cho cấu trúc thuế của nước i trong thời gian t, được đo lường bằng tỷ trọng loại thuế j trên tổng sản phẩm quốc nội (GDP).

- *Biến độc lập*

+ $OPEN_{it}$: độ mở thương mại của nước i trong thời gian t, đại diện cho tự do hóa thương mại.

Biến tự do hóa thương mại được tác giả lần lượt đo lường bằng 2 chỉ số:

Chỉ số thứ nhất ($OPEN_1$): Tỷ lệ xuất khẩu và nhập khẩu trên tổng sản phẩm quốc nội GDP.

Chỉ số thứ hai ($OPEN_2$): Chỉ số tự do thương mại được công bố bởi Tổ chức di sản Washington (The Heritage Foundation).

- *Biến kiểm soát*

+ $\ln GDP_{it}$: đại diện cho tăng trưởng kinh tế của nước i trong thời gian t, dạng logarit. Biến GDP được chuyển dưới dạng logarithm để giúp dữ liệu tập trung quanh giá trị trung bình của biến. Tất cả các biến thể hiện dưới dạng logarithm có phân phối xấp xỉ phân phối chuẩn.

+ AGR_{it} : tỷ trọng ngành nông nghiệp của nước i trong thời gian t.

+ GOV_{it} : chi tiêu chính phủ của nước i trong thời gian t.

+ INF_{it} : lạm phát của nước i trong thời gian t.

- i và t là chỉ số về quốc gia và thời gian.

- ε_{it} : là mức độ sai số.

3.2.2 Cấu trúc thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển

Để kiểm định thực nghiệm với trường hợp các nước đang phát triển, phương trình thực nghiệm có dạng như sau

$$\Delta \ln GDP_{it} = \alpha_0 + \alpha_1 \ln GDP_{it-1} + \alpha_2 TAX_{j,it} + \alpha_3 X_{it} + \mu_{it} \quad (2)$$

Trong phương trình 2:

- *Biến phụ thuộc:*

- $\Delta \ln GDP_{it}$ đại diện cho tăng trưởng kinh tế của nước i trong thời gian t, được đo bằng sai phân bậc nhất của GDP bình quân đầu người.

- *Biến độc lập:*

- $\ln GDP_{it-1}$: tăng trưởng kinh tế ban đầu của nước i trong thời gian t, dạng logarit.

- $TAX_{j,it}$ là số thuế j , được đo lường bằng tỷ trọng loại thuế j trên tổng thu ngân sách hàng năm. Bao gồm:

- *Biến kiểm soát:*

- X_{it} : biến kiểm soát bao gồm các biến chỉ số vĩ mô như

- + $HUM_{i,t}$: dân số trong độ tuổi lao động của nước i trong thời gian t , đại diện cho vốn con người.
- + $POP_{i,t}$: tốc độ tăng trưởng dân số của nước i trong thời gian t , đại diện cho tốc độ tăng dân số;
- + $OPEN_t$: độ mở thương mại của nước i trong thời gian t , đại diện cho tự do hóa thương mại;
- + $GOV_{i,t}$: chi tiêu chính phủ của nước i trong thời gian t ;
- + $INV_{i,t}$: vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của nước i trong thời gian t ;
- + $INF_{i,t}$: lạm phát của nước i trong thời gian t .

- i và t là chỉ số về quốc gia và thời gian.

- α_i : là hằng số cho mỗi nước.

- μ_{it} : mức độ sai số

3.2.3 Cấu trúc thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế dưới vai trò của tự do hóa thương mại

Vai trò của tự do hóa thương mại được thể hiện qua biến tương tác giữa tự do hóa thương mại và cấu trúc thuế theo mô hình sau:

$$\Delta \ln GDP_{i,t} = \alpha_i + \beta_i \ln GDP_{i,t-1} + \gamma_{i1} TAX_{j,it} + \gamma_{i2} OPEN_{it} + \gamma_{i3} TAX_{j,it} * OPEN_{it} + \theta_i X_{it} + \mu_{it} \quad (3)$$

3.3.3 Mẫu nghiên cứu

Việc lựa chọn đối tượng quan sát của tác giả cũng dựa vào một số tiêu chí nhất định. Nghiên cứu tập trung vào các nước đang phát triển có thu nhập bình quân đầu người từ 1,035 – 12,535 USD (Bảng 5.3). Tác giả lựa chọn nhóm các nước này theo tiêu chí của WB (World Bank) và đây cũng là những nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam (nhóm thu nhập trung bình thấp). Đồng thời, Việt Nam đang hướng đến nhóm các nước có thu nhập trung bình cao.

3.4 Phương pháp nghiên cứu

3.4.2.1 Phương pháp Dif-GMM (Difference Generalized method of moments)

Để phân tích thực nghiệm, nghiên cứu áp dụng phương pháp GMM sai phân cho mô hình bảng động tuyến tính (Arellano và Bond, 1991; Arellano và Bover, 1995; Holtz-Eakin và cộng sự, 1988). Trong mô hình bảng động, hiện tượng tự tương quan có thể xảy ra với sự hiện diện của biến trễ. Theo đó, phương pháp GMM sai phân sẽ xử lý được hiện tượng tự tương quan này bằng cách lấy độ trễ của các biến làm công cụ. Ngoài ra, khi chuyển sang hồi quy với biến sai phân bậc 1, các độ lệch tiềm ẩn do bỏ sót biến và các hiệu ứng cố định của các đơn vị chéo cũng sẽ được loại bỏ.

CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1 Thực trạng cấu trúc thuế tại các nước đang phát triển giai đoạn 2000 – 2019

4.2 Thống kê mô tả

Bảng 4.1. Thống kê mô tả các nước đang phát triển

Tên biến (Variable)	Số quan sát (Obs)	Giá trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std. Dev)	Giá trị tối thiểu (Min)	Giá trị tối đa (Max)
TR	1,100	15.0359	5.45653	2.48	36.35
TIP	1,100	5.094169	3.385446	-.41	25.66
TGS	1,100	7.30976	3.313395	.14	19.41
TIT	1,100	2.193995	2.23784	-1.57	13.13
OPEN ₁	1,100	80.65919	34.38902	21.85225	220.4068
OPEN ₂	1,100	69.27127	15.13169	0	89.4
LnGDP	1,100	7.763558	.9716269	5.189766	9.678758
GDP	1,100	3504.835	2939.212	179.4266	15974.64
AGR	1,100	12.74107	8.673469	1.82838	42.52392
GOV	1,100	14.35786	5.419877	3.460335	41.88798
INV	1,100	4.103312	5.127498	-37.17265	55.0703
INF	1,100	7.080636	10.58934	-60.4964	168.6202
HUM	1,100	62.83327	6.170193	48.81468	74.20425
POP	1,100	1.338383	1.223974	-9.080639	7.78601

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ phần mềm Stata

4.3 Kết quả tác động của tự do hóa thương mại đến cấu trúc thuế tại các nước đang phát triển

4.3.2 Kiểm định tính dừng

Bảng 4.1. Kết quả kiểm định tính dừng

Bậc gốc	Levin-Lin-Chu		Im-Pesaran-Shin		Kết quả
	Không xu thế	Xu thế	Không xu thế	Xu thế	
TR	0.0000	0.0000	0.0795	0.0000	Dừng
TIP	0.0000	0.0000	0.1697	0.0000	Dừng
TGS	0.0000	0.0000	0.0127	0.0000	Dừng
TIT	0.0000	0.0000	0.0002	0.0000	Dừng
OPEN ₁	0.0002	0.0000	0.0926	0.0000	Dừng
OPEN ₂	0.0000	0.0000			Dừng

Ghi chú: độ trễ được lựa chọn theo tiêu chuẩn Akaike

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Stata

Kết quả kiểm định tính dừng được thể hiện trong Bảng 4.5. các kiểm định về tính dừng của tất cả các biến đều dừng ở bậc gốc.

4.3.3 Mối quan hệ nhân quả Granger giữa tự do hóa thương mại và cấu trúc thuế

Bảng 4.2. Kiểm định đồng liên kết Westerlund cho các nước đang phát triển

Biến phụ thuộc: Tổng thu thuế - TR (độ trễ =1)				
Biến độc lập	G_t	G_α	P_t	P_α
$OPEN_1$	-2.991***	-17.183**	-18.879***	-13.097***
$OPEN_2$	-2.998***	-16.477***	-20.201***	-14.684***
Biến phụ thuộc: Thuế thu nhập - TIP (độ trễ =1)				
$OPEN_1$	-2.878***	-17.695***	-19.890***	-14.559***
$OPEN_2$	-2.749***	-16.159***	-20.819***	-15.936***
Biến phụ thuộc: Thuế tiêu dùng - TGS (độ trễ =1)				
$OPEN_1$	-3.201***	-19.556***	-21.372***	-15.961***
$OPEN_2$	-3.256***	-18.778***	-21.822***	-15.035***
Biến phụ thuộc: Thuế ngoại thương - TIT (độ trễ =1)				
$OPEN_1$	-3.191***	-17.087***	-24.042***	-16.375***
$OPEN_2$	-3.451***	-19.079***	-20.157***	-13.024***

*, **, *** lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa thống kê 10%, 5%, 1%.

Nguồn: Tác giả tính toán từ Stata

Kết quả cho thấy giả thuyết không có đồng liên kết đối với biến phụ thuộc: cấu trúc thuế bao gồm TR, TIT, TGS, TIT và biến tự do hóa thương mại gồm $OPEN_1$ và $OPEN_2$ bị bác bỏ ở mức ý nghĩa 1%. Như vậy, có mối quan hệ trong dài hạn giữa tự do hóa thương mại và cấu trúc thuế trong mẫu nghiên cứu 55 quốc gia đang phát triển.

4.3.4 Kiểm định mối quan hệ nhân quả Granger tác động của tự do hóa thương mại đến cấu trúc thuế

Bảng 4.3. Kết quả kiểm định Granger

Biến phụ thuộc: Tự do hóa thương mại				
Biến độc lập	TR	TIP	TGS	TIT
Std.Err	3.0011***	3.4043***	5.5923***	6.6506***
Biến độc lập: Tự do hóa thương mại				
Biến phụ thuộc	TR	TIP	TGS	TIT
Std.Err	4.4675***	3.8247***	4.8551***	4.6671***

*, **, *** lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa thống kê 10%, 5%, 1%.

Nguồn: Tác giả tính toán từ Stata

4.3.5 Kết quả ước lượng và phân tích

4.3.5.1 Tự do hóa thương mại tác động đến tổng thu thuế tại các nước đang phát triển

Bảng 4.4. Tự do hóa thương mại tác động đến tổng thu thuế tại các nước đang phát triển giai đoạn 2000 – 2019

Biến phụ thuộc là tổng thu thuế (TR), cột (1) chỉ số tự do hóa thương mại 1 tác động đến số thu thuế, cột (2) chỉ số tự do hóa thương mại 2 tác động đến tổng thu thuế

Biến	(1) GMM	(2) GMM
LnGDP	.3184	1.6837***
AGR	-.3530***	-.1876***
GOV	.4362***	.3172**
INF	.0059	.0386***
OPEN ₁	.0675***	
OPEN ₂		-.0365**
Wu - Hausman	0.0000	0.0000
AR2	0.221	0.292
Sargan test	0.229	0.108
Hansen test	0.441	0.221
Biến công cụ	39	31
Số nước	55	55

*Ghi chú: *, **, *** biểu thị cho ý nghĩa thống kê ở mức 10%, 5% và 1%*

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ phần mềm Stata

4.3.5.2 Tự do hóa thương mại tác động đến thuế thu nhập tại các nước đang phát triển

Bảng 4.5. Tự do hóa thương mại tác động đến thuế thu nhập tại các nước đang phát triển

Biến phụ thuộc là thuế thu nhập (TIP), sử dụng phương pháp ước lượng GMM, cột (1) chỉ số tự do hóa thương mại 1 tác động đến thuế thu nhập, cột (2) chỉ số tự do hóa thương mại 2 tác động đến thuế thu nhập

Biến	(1) GMM	(2) GMM
LnGDP	.1334	.5198*
AGR	-.1115***	-.1354***
GOV	.0898***	.0929**
INF	-.0279***	-.0304***
OPEN ₁	.0226***	
OPEN ₂		.0143**
Wu - Hausman	0.0000	0.0000
AR2	0.775	0.549
Sargan test	0.966	0.893
Hansen test	0.456	0.113
Biến công cụ	27	27
Số nước	55	55

Ghi chú: *, **, *** biểu thị cho ý nghĩa thống kê ở mức 10%, 5% và 1%

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ phần mềm Stata

4.3.5.3 Tự do hóa thương mại tác động đến thuế tiêu dùng tại các nước đang phát triển

Bảng 4.6. Tự do hóa thương mại tác động đến thuế tiêu dùng tại các nước đang phát triển

Biến phụ thuộc là thuế tiêu dùng (TGS), sử dụng phương pháp ước lượng GMM, cột (1) chỉ số tự do hóa thương mại 1 tác động đến thuế tiêu dùng, cột (2) chỉ số tự do hóa thương mại 2 tác động đến thuế tiêu dùng

Biến	(1) GMM	(2) GMM
LnGDP	.7486*	.0871
AGR	-.2014***	-.2390***
GOV	-.0630	-.0509
INF	.0224**	.0230**
OPEN ₁	-.0116**	
OPEN ₂		.0265**
Wu - Hausman	0.0000	0.0000
AR2	0.128	0.110
Sargan test	0.166	0.100
Hansen test	0.755	0.576
Biến công cụ	27	27
Số nước	55	55

Ghi chú: *, **, *** biểu thị cho ý nghĩa thống kê ở mức 10%, 5% và 1%

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ phần mềm Stata

4.3.5.4 Tự do hóa thương mại tác động đến thuế ngoại thương tại các nước đang phát triển

Bảng 4.7. Tự do hóa thương mại tác động đến thuế ngoại thương tại các nước đang phát triển

Biến phụ thuộc là thuế ngoại thương (TIT), sử dụng phương pháp ước lượng GMM, cột (1) chỉ số tự do hóa thương mại 1 tác động đến thuế ngoại thương, cột (2) chỉ số tự do hóa thương mại 2 tác động đến thuế ngoại thương

Biến	(1) GMM	(2) GMM
LnGDP	-.0322	-.0068
AGR	.0239	.0328
GOV	.1874***	.0579**
INF	-.0102**	-.0055**
OPEN ₁	.0294***	
OPEN ₂		-.0173**
Wu - Hausman	0.0000	0.0000
AR2	0.826	0.760
Sargan test	0.467	0.168
Hansen test	0.582	0.829

Biến công cụ	27	27
Số nước	55	55

Ghi chú: *, **, *** biểu thị cho ý nghĩa thống kê ở mức 10%, 5% và 1%

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ phần mềm Stata

4.4 Kết quả kiểm định cấu trúc thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển

4.4.1 Tương quan giữa các biến

4.4.2 Kiểm định tính dừng

Bảng 4.8. Kết quả kiểm định tính dừng

Bậc gốc	Levin-Lin-Chu		Im-Pesaran-Shin		Kết quả
	Không xu thế	Xu thế	Không xu thế	Xu thế	
LnGDP	0.0000	0.0726	0.3397	0.9999	Không dừng
TR	0.0000	0.0000	0.0795	0.0000	Dừng
TIP	0.0000	0.0000	0.1697	0.0000	Dừng
TGS	0.0000	0.0000	0.0127	0.0000	Dừng
TIT	0.0000	0.0000	0.0002	0.0000	Dừng

Bậc 1	Levin-Lin-Chu		Im-Pesaran-Shin		Kết quả
	Không xu thế	Xu thế	Không xu thế	Xu thế	
LnGDP	0.0000	0.0726	0.0009	0.0000	Dừng
TR	0.0000	0.0000	0.0102	0.0000	Dừng
TIP	0.0000	0.0000	0.1697	0.0000	Dừng
TGS	0.0000	0.0000	0.0127	0.0000	Dừng
TIT	0.0000	0.0000	0.0002	0.0000	Dừng

Ghi chú: độ trễ được lựa chọn theo tiêu chuẩn Akaike

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Stata

4.4.3 Kết quả kiểm định theo nhóm quốc gia

4.4.3.1 Cấu trúc thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển

Bảng 4.9. Số thu thuế và cấu trúc thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển

Biến phụ thuộc là tăng trưởng kinh tế $\Delta \ln gdp$, cột (1) số thu thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế, cột (2) thuế thu nhập tác động đến tăng trưởng kinh tế, cột (3) thuế tiêu dùng tác động đến tăng trưởng kinh tế, cột (4) thuế ngoại thương tác động đến tăng trưởng kinh tế.

	TR (1)	TIP (2)	TGS (3)	TIT (4)
LnGDP _{t-1}	-.9335***	-.4645***	-.7303***	-.8993***
TR	.0716***			
TIP		-.0414***		

TGS			.1233*	
TIT				.0446***
HUM	.1009***	.0970***	.0755**	.1751***
POP	-.1212	-.1571*	.0189	-.3738**
GOV	-.0167**	-.0042	-.0257**	-.0364***
INV	-.0274**	-.0143***	-.0234*	.0006
OPEN	.0097***	.0145***	.0182***	.0098***
INF	-.0025*	-.0018**	-.0045**	.0032
Wu - Hausman	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000
AR2	0.408	0.570	0.758	0.213
Sargan	0.235	0.162	0.176	0.423
Hansen	0.196	0.374	0.130	0.168
Quan sát	935	935	935	935
Biến công cụ	18	37	16	15
Số nước	55	55	55	55

Nguồn: Tổng hợp và tính toán trên Stata

Ghi chú: ***, ** và * lần lượt là các ký hiệu cho mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%

4.4.3.2 Cấu trúc thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế tại các nước thu nhập thấp và trung bình thấp

Tác giả tiếp tục chia mẫu 55 nước đang phát triển thành 2 nhóm dựa trên mức độ thu nhập: nhóm nước có thu nhập thấp và trung bình thấp (29 nước), nhóm nước có thu nhập trung bình cao (26 nước).

Bảng 4.10. Số thu thuế và cấu trúc thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế tại các nước thu nhập thấp và trung bình thấp

Biến phụ thuộc là tăng trưởng kinh tế $\Delta \ln gdp$, cột (1) số thu thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế, cột (2) thuế thu nhập tác động đến tăng trưởng kinh tế, cột (3) thuế tiêu dùng tác động đến tăng trưởng kinh tế, cột (4) thuế ngoại thương tác động đến tăng trưởng kinh tế.

	TR (1)	TIP (2)	TGS (3)	TIT (4)
$\ln GDP_{t-1}$	-.6196***	-.6823***	-.6968***	-.7381***
TR	.0168***			
TIP		.0513**		
TGS			.0495***	
TIT				-.0451***
HUM	.0989***	.1031***	.0952***	.0992***
POP	.1945	.3195**	.2257	-.0405
GOV	-.0575***	-.0409***	-.0248**	-.0190***
INV	-.0122***	-.0047***	-.0088***	-.0034**
OPEN	.0118***	.0063***	.0117***	.0149***
INF	-.0039**	-.0196***	-.0085**	-.0121**
Wu - Hausman	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000
AR2	0.533	0.891	0.151	0.167
Sargan	0.576	0.109	0.757	0.794
Hansen	0.330	0.130	0.231	0.260
Quan sát	493	493	493	493
Biến công cụ	23	22	22	23
Số nước	29	29	29	29

Nguồn: Tổng hợp và tính toán trên Stata

Ghi chú: ***, ** và * lần lượt là các ký hiệu cho mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%

4.4.3.3 Cấu trúc thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế tại các nước có thu nhập trung bình

cao

Bảng 4.11. Số thu thuế và cấu trúc thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế tại các nước có thu nhập trung bình cao

Biến phụ thuộc là tăng trưởng kinh tế $\Delta \ln gdp$, cột (1) tổng thu thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế, cột (2) thuế thu nhập tác động đến tăng trưởng kinh tế, cột (3) thuế tiêu dùng tác động đến tăng trưởng kinh tế, cột (4) thuế ngoại thương tác động đến tăng trưởng kinh tế.

	TR (1)	TIP (2)	TGS (3)	TIT (4)
LnGDP_{t-1}	-.6771***	-.6528***	-.8387***	-.7362***
TR	.0690***			
TIP		.0299**		
TGS			-.0663**	
TIT				.0456***
HUM	.1202***	.2221***	.1885***	.1067***
POP	-.0900	-.6971***	-.1323***	.1412**
GOV	-.0477**	.0495***	.0056	-.0733***
INV	-.0364***	-.0132***	-.0313***	-.0580***
OPEN	.0053*	.0157***	.0177***	.0032*
INF	.0068***	-.0052***	-.0055	-.0016
Wu - Hausman	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000
AR2	0.800	0.222	0.540	0.466
Sargan	0.261	0.983	0.172	0.300
Hansen	0.438	0.413	0.572	0.175
Quan sát	442	442	442	442
Biến công cụ	19	21	24	22
Số nước	26	26	26	26

Nguồn: Tổng hợp và tính toán trên Stata

Ghi chú: ***, ** và * lần lượt là các ký hiệu cho mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%

4.5 Kiểm định tác động của cấu trúc thuế đến tăng trưởng kinh tế dưới vai trò của tự do hóa thương mại

4.5.1 Kiểm định tổng thu thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế dưới vai trò của tự do hóa thương mại

Bảng 4.12. Vai trò của tự do hóa thương mại trong mối quan hệ giữa tổng thu thuế và tăng trưởng kinh tế

*Biến phụ thuộc là tăng trưởng kinh tế $\Delta \ln gdp$, cột (1) & (2) lần lượt tổng thu thuế tác động đến tăng trưởng kinh tế và đưa vào mô hình biến tương tác $open*tr$ tác động đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển. Tương tự, cột (3) & (4) tại các nước có thu nhập thấp và trung bình thấp; cột (5) & (6) tại các nước có thu nhập trung bình cao.*

Biến	55 nước đang phát triển		29 nước có thu nhập thấp và trung bình thấp		26 nước có thu nhập trung bình cao	
	TR (1)	Open*tr (2)	TR (3)	Open*tr (4)	TR (5)	Open*tr(6)

LnGDP_{t-1}	-.9335***	-.8245***	-.6196***	-.7075***	-.6771***	-.5226***
TR	.0716***	.1904***	.0168***	.0248***	.0690***	.2977***
HUM	.1009***	.0684***	.0989***	.1000***	.1202***	.0879***
POP	-.1212	-.1789	.1945	-.0674	-.0900	-.0672
GOV	-.0167**	-.0179*	-.0575***	-.0498***	-.0477**	-.0047
INV	-.0274**	-.0145***	-.0122***	-.0050***	-.0364***	-.0094***
OPEN	.0097***	.0255***	.0118***	.0108***	.0053*	.0441***
INF	-.0025*	-.0029**	-.0039**	-.0124***	.0068***	.0059**
OPEN*TR		-.0010***		-.0001*		-.0025***
Wu - Hausman	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000
AR2	0.408	0.243	0.533	0.585	0.800	0.897
Sargan	0.235	0.785	0.576	0.932	0.261	0.946
Hansen	0.196	0.603	0.330	0.278	0.438	0.317
Quan sát	935	935	493	493	442	442
Biến công cụ	18	26	23	28	19	21
Nước	55	55	29	29	26	26

Nguồn: Tổng hợp và tính toán trên Stata; Ghi chú: ***,** và * lần lượt cho mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%

4.5.2 Kiểm định thuế thu nhập tác động đến tăng trưởng kinh tế dưới vai trò của tự do hóa thương mại

Bảng 4.13. Vai trò của tự do hóa thương mại trong mối quan hệ giữa thuế thu nhập và tăng trưởng kinh tế

Biến phụ thuộc là tăng trưởng kinh tế $\Delta \ln gdp$, cột (1) thuế thu nhập tác động đến tăng trưởng kinh tế, cột (2) đưa vào mô hình biến tương tác $open*tip$ tác động đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển. Tương tự, cột (3) & (4) tại các nước có thu nhập thấp và trung bình thấp; cột (5) & (6) tại các nước có thu nhập trung bình cao.

Biến	55 nước đang phát triển		29 nước có thu nhập thấp và trung bình thấp		26 nước có thu nhập trung bình cao	
	TIP (1)	Open*tip (2)	TIP (3)	Open*tip (4)	TIP (5)	Open*tip (6)
LnGDP_{t-1}	-.4645***	-.7872***	-.6823***	-.7763***	-.6528***	-.7843***
TIP	-.0414***	-26.5098***	.0513**	5.3789**	.0299**	9.3215*
HUM	.0970***	.1020***	.1031***	.1275***	.2221***	.1675***
POP	-.1571*	-.4025***	.3195**	.2959***	-.6971***	-.1080
GOV	-.0042	-.0372***	-.0409***	-.0391***	.0495***	-.0515***
INV	-.0143***	-.0076*	-.0047***	-.0009	-.0132***	-.0339***
OPEN	.0145***	.0111***	.0063***	.0067***	.0157***	.0097***
INF	-.0018**	-.0054***	-.0196***	-.0228***	-.0052***	-.0025***
OPEN*TIP		.5256***		-.1056**		.1855*
Wu - Hausman	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000
AR2	0.570	0.125	0.891	0.342	0.222	0.286
Sargan	0.162	0.391	0.109	0.559	0.983	0.296

Hansen	0.374	0.301	0.130	0.142	0.413	0.606
Quan sát	935	935	493	493	442	442
Biến công cụ	37	26	22	29	21	25
Nước	55	55	29	29	26	26

Nguồn: Tổng hợp và tính toán trên Stata; Ghi chú: ***, ** và * lần lượt cho mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%

4.5.3 Kiểm định thuế tiêu dùng tác động đến tăng trưởng kinh tế dưới vai trò của tự do hóa thương mại

Bảng 4.14. Vai trò của tự do hóa thương mại trong mối quan hệ giữa thuế tiêu dùng và tăng trưởng kinh tế

Biến phụ thuộc là tăng trưởng kinh tế $\Delta \ln gdp$, cột (1) thuế thu nhập tác động đến tăng trưởng kinh tế, cột (2) đưa vào mô hình biến tương tác $open* tgs$ tác động đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển. Tương tự, cột (3) & (4) tại các nước có thu nhập thấp và trung bình thấp; cột (5) & (6) tại các nước có thu nhập trung bình cao.

	55 nước đang phát triển		29 nước có thu nhập thấp và trung bình thấp		26 nước có thu nhập trung bình cao	
Biến	TGS (1)	Open*tgs (2)	TGS (3)	Open*tgs (4)	TGS (5)	Open*tgs (6)
LnGDP_{t-1}	-.7303***	-.6880***	-.6968***	-.6424***	-.8387***	-.6908***
TGS	.1233*	27.9154**	.0495***	33.1754***	-.0663**	-8.3947**
HUM	.0755**	.0932***	.0952***	.0655***	.1885***	.1091***
POP	.0189	.0711	.2257	-.1815	-.1323***	-.0131***
GOV	-.0257**	-.0204**	-.0248**	-.0342***	.0056	-.0383
INV	-.0234*	-.0033***	-.0088***	.0008	-.0313***	-.0524***
OPEN	.0182***	.0203***	.0117***	.0119***	.0177***	.0108**
INF	-.0045**	-.0069***	-.0085**	-.0066***	-.0055	-.0006
OPEN*TGS		-.5502**		-.6537***		.1673**
Wu - Hausman	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000
AR2	0.758	0.927	0.151	0.864	0.540	0.578
Sargan	0.176	0.255	0.757	0.176	0.172	0.155
Hansen	0.130	0.537	0.231	0.302	0.572	0.438
Quan sát	935	935	493	493	442	442
Biến công cụ	16	23	22	27	24	19
Nước	55	55	29	29	26	26

Nguồn: Tổng hợp và tính toán trên Stata; Ghi chú: ***, ** và * lần lượt cho mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%

4.5.4 Kiểm định thuế ngoại thương tác động đến tăng trưởng kinh tế dưới vai trò của tự do hóa thương mại

Bảng 4.15. Vai trò của tự do hóa thương mại trong mối quan hệ giữa thuế ngoại thương và tăng trưởng kinh tế

Biến phụ thuộc là tăng trưởng kinh tế $\Delta \ln gdp$, cột (1) thuế thu nhập tác động đến tăng trưởng kinh tế, cột (2) đưa vào mô hình biến tương tác $open* tit$ tác động đến tăng trưởng kinh tế tại các nước

đang phát triển. Tương tự, cột (3) & (4) tại các nước có thu nhập thấp và trung bình thấp; cột (5) & (6) tại các nước có thu nhập trung bình cao.

Biến	55 nước đang phát triển		29 nước có thu nhập thấp và trung bình thấp		26 nước có thu nhập trung bình cao	
	TIT (1)	Open*tit (2)	TIT (3)	Open*tit (4)	TIT (5)	Open*tit (6)
LnGDP_{t-1}	-.8993***	-.6750***	-.7381***	-.6832***	-.7362***	-.7578***
TIT	.0446***	22.7175***	-.0451***	-5.1976**	.0456***	29.5809***
HUM	.1751***	.1276***	.0992***	.1105***	.1067***	.1595***
POP	-.3738**	.0690	-.0405	-.0677	.1412**	.1237
GOV	-.0364***	-.1060***	-.0190***	-.0124***	-.0733***	-.1139***
INV	.0006	-.0165	-.0034**	.0001	-.0580***	-.0253***
OPEN	.0098***	.0103***	.0149***	.0119***	.0032*	.0074***
INF	.0032	-.0161***	-.0121**	-.0138***	-.0016	-.0153***
OPEN*TIT		-.4484***		.1019**		-.5833***
Wu - Hausman	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000	0.0000
AR2	0.213	0.996	0.167	0.144	0.609	0.606
Sargan	0.423	0.971	0.794	0.391	0.154	0.978
Hansen	0.168	0.323	0.260	0.347	0.114	0.221
Quan sát	935	935	493	493	442	442
Biến công cụ	15	24	23	28	22	24
Nước	55	55	29	29	26	26

Nguồn: Tổng hợp và tính toán trên Stata; Ghi chú: ***, ** và * lần lượt cho mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%

CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

5.1 Kết luận

Mục tiêu nghiên cứu thứ nhất của luận án cho thấy tự do hóa thương mại là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến số thu thuế của một quốc gia. Sự ảnh hưởng này còn tùy thuộc vào việc lựa chọn hình thức tự do hóa thương mại của các nước. Bởi vì theo Zahonogo (2017) thì việc sử dụng các chỉ số tự do hóa thương mại khác thường dẫn đến những kết quả nghiên cứu khác nhau. Với hình thức tự do hóa thương mại bằng cách gia tăng lưu lượng hàng hóa xuất nhập sẽ gia tăng tổng thu thuế. Khi xem xét từng sắc thuế, có thể thấy trong giai đoạn đầu của chiến lược tự do hóa thương mại, lượng hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu vào một nước gia tăng, trong khi việc cắt giảm thuế suất tuân thủ theo lộ trình nên hoạt động xuất nhập khẩu làm gia tăng thuế ngoại thương. Cùng với đó là sự tăng lên của quá trình chuyển giao công nghệ, quy mô kinh tế và lợi thế so sánh giúp tăng lợi nhuận doanh nghiệp từ đó tăng thu thuế thu nhập đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc tự do hóa thương mại làm gia tăng lượng hàng hóa nhập khẩu lẫn xuất khẩu, dẫn đến xu thế tiêu dùng hàng hóa nhập khẩu thay cho hàng hóa nội địa sẽ làm giảm thuế tiêu dùng. Với hình thức tự do hóa thương mại bằng cách áp dụng mức thuế suất bình quân gia quyền kết hợp với giảm hàng rào phi thuế quan lại không mang đến kết quả tích cực cho các nước đang phát triển. Áp dụng chiến lược này buộc các nước đang phát triển phải bãi bỏ các hạn chế về hạn ngạch, hải quan, giảm sự can thiệp của chính phủ, đồng thời áp dụng mức thuế suất trung bình đối với những hàng hóa nhập khẩu có nhiều mức thuế suất sẽ làm giảm số thu thuế ngoại thương do mức thuế suất thấp. Nhưng điều này giúp cho lượng tiêu dùng hàng hóa tăng lên và được bù đắp bằng thuế tiêu dùng tăng. Nhờ việc bãi bỏ các hạn chế nên thu hút đầu tư và gia tăng thuế thu nhập.

Với mục tiêu nghiên cứu thứ hai kết quả nghiên cứu cho thấy:

❖ **Tại các nước đang phát triển**, việc gia tăng thu thuế để tài trợ cho các hoạt động của chính phủ là động lực thúc đẩy tăng trưởng, cải thiện thu nhập. Còn đối với từng sắc thuế, việc gia tăng thuế thu nhập tại các nước đang phát triển không mang lại dấu hiệu tích cực cho nền kinh tế. Giảm thuế thu nhập mà đặc biệt là thuế thu nhập doanh nghiệp được xem công cụ hữu hiệu để chính phủ thu hút đầu tư. Kết quả nghiên cứu cũng đã chứng minh được vai trò quan trọng của thuế tiêu dùng đối với nền kinh tế. Trong cơ cấu thuế của các nước đang phát triển, thuế tiêu dùng luôn chiếm tỷ trọng cao. Ngược lại việc đánh thuế thu nhập làm cho tiêu dùng trở nên đắt hơn trong điều kiện tiêu dùng hiện tại. Thuế ngoại thương gia tăng nhờ vào lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu tăng từ đó cải thiện nền kinh tế. Theo kết quả nghiên cứu tìm được, các nước đang phát triển muốn xây dựng một cấu trúc thuế tối ưu và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế sẽ ưu tiên tỷ trọng cho thuế tiêu dùng hơn là thuế thu nhập.

❖ **Tại 29 nước có thu nhập thấp và trung bình thấp**, kết quả tìm thấy điểm khác biệt so với mẫu tổng thể là ở các nước có thu nhập bình quân đầu người càng thấp thì việc duy trì thuế suất thuế thu nhập thấp dưới mức tối ưu luôn mang lại những lợi ích kinh tế cho các nước này. Ngoài ra, việc thúc đẩy phát triển kinh tế còn nhờ vào việc tháo bỏ hàng rào thuế quan. Như vậy đối với các quốc gia có thu nhập thấp

và trung bình thấp, việc kết hợp tăng thuế thu nhập và thuế tiêu dùng sẽ mang lại hiệu ứng tích cực cho nền kinh tế. Tuy nhiên, chính phủ mỗi nước cần căn cứ vào tình hình thực tế trong nước để lựa chọn ưu tiên sắc thuế cho từng giai đoạn khác nhau. Ngoài ra, đối với các nước này thì việc tăng dân số để cung ứng nguồn lao động cho thị trường, cải thiện chất lượng lao động và tăng cường hoạt động xuất nhập khẩu là những nhân tố tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

❖ **Tại 26 nước có thu nhập trung bình cao** thì các kết quả tìm thấy mở ra nhiều điều thú vị. Trong khi các nước có thu nhập thấp và trung bình thấp luôn muốn gia tăng tỷ trọng thuế tiêu dùng thì các nước có thu nhập trung bình cao lại muốn giảm tỷ lệ này. Vì khi thu nhập bình quân đầu người không đổi, đánh thuế tiêu dùng cao làm tăng giá hàng hóa và dịch vụ, khi đó người dân phải chi nhiều tiền hơn để mua cùng một lượng hàng hóa, giảm tiết kiệm và đầu tư của họ góp phần tác động xấu đến tăng trưởng kinh tế. Chính phủ sẽ không thu lại lợi ích kinh tế bằng cách đánh thuế tiêu dùng mà họ sẽ tập trung vào thuế đánh vào thu nhập.

Mục tiêu nghiên cứu thứ ba là kiểm định tác động của cấu trúc thuế đối với tăng trưởng kinh tế trong điều kiện tự do hóa thương mại. Kết quả cho thấy, khi các nước đang phát triển duy trì mức tự do hóa thương mại cao sẽ làm giảm tác động tích cực của tổng thu thuế đến tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, chiến lược mở rộng tự do hóa thương mại quá mức có nguy cơ làm xói mòn nguồn thu thuế từ tạo ra hiệu ứng ngược với tăng trưởng kinh tế. Để giảm thiểu ảnh hưởng này các nước đang phát triển có thể xem xét điều chỉnh cấu trúc thuế. Dựa trên kết quả nghiên cứu, với thuế thu nhập thì quy mô mở cửa thương mại của một nước lớn sẽ nâng cao vai trò của thuế thu nhập đối với sự phát triển kinh tế. Tự do hóa thương mại quá mức tại các nước đang phát triển cũng không mang lại giá trị tích cực cho thuế tiêu dùng và thuế ngoại thương đối với phát triển kinh tế. Kết quả phân tích này cho thấy mức độ tự do hóa thương mại quá lớn tại các nước đang phát triển có khả năng làm xói mòn nguồn thu từ thuế.

5.2 Một số gợi ý chính sách

5.2.1 Các gợi ý chính sách đối với hoạt động tự do hóa thương mại

5.2.1.1 Chiến lược sản xuất thay thế nhập khẩu

Chiến lược sản xuất thay thế nhập khẩu không còn là một chiến lược xa lạ bởi hầu hết các nước đều đã thử nghiệm ở một giai đoạn nào đó và nhiều nước đã đạt được những thành công nhất định. Đây được xem là chiến lược hữu hiệu nếu các nước áp dụng trong thời gian có hạn, còn nếu sử dụng để bảo hộ quá nhiều hoạt động và vẫn tiếp tục duy trì trong thời gian quá dài sẽ không mang lại hiệu quả như mong muốn. Đặc biệt các nước đang phát triển trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa, nền kinh tế còn nhiều hạn chế, các ngành công nghiệp non trẻ chưa có khả năng cạnh tranh quốc tế, việc sản xuất thay thế nhập khẩu giúp bảo vệ các doanh nghiệp nội địa trước sự cạnh tranh.

5.2.1.2 Chiến lược thúc đẩy xuất khẩu

Chiến lược này dựa trên ý tưởng thực hiện những chính sách nhằm khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa có thể cạnh tranh trên thị trường thế giới, đặc biệt là xuất khẩu hàng công nghiệp chế tạo. Điểm khác biệt của chiến lược này so với chiến lược sản xuất thay thế nhập khẩu là sử

dụng sự cạnh tranh toàn cầu chứ không phải các biện pháp bảo hộ làm áp lực khuyến khích đầu tư, học hỏi và tiếp thu công nghệ mới để hỗ trợ nền kinh tế. Tại các nước đang phát triển, giai đoạn đầu sẽ tập trung xuất khẩu nông sản sử dụng nhiều lao động. Lâu dài, khi số lao động tiếp cận với công nghệ tiên tiến sẽ bắt đầu chuyển sang những sản phẩm tinh xảo hơn.

5.2.2 Xu hướng cải cách thuế và một số gợi ý chính sách với cấu trúc thuế

5.2.2.1 Xu hướng cải cách thuế của các nước đang phát triển

5.2.2.2 Một số gợi ý về chính sách thuế

- Thuế phải rõ ràng, minh bạch và dễ thực hiện
- Hệ thống thuế thu nhập cần phải xác định một mức thuế suất hợp lý
- Miễn giảm thuế thu nhập phải đúng đối tượng và công khai
- Các ưu đãi thuế thu nhập phải hợp lý với mục đích từng thời kỳ

5.2.3 Gợi ý chính sách cho từng nhóm nước

5.2.3.1 Nhóm nước có thu nhập thấp và trung bình thấp

❖ Thuế tiêu dùng

Các nước có thu nhập thấp và trung bình thấp có thể gia tăng số thu thuế tiêu dùng bằng nhiều cách. Trước tiên phải kể đến là thuế suất, đa số các nước thu nhập thấp và trung bình thấp có mức thuế suất GTGT phổ thông trung bình 16.3%, trong khi đó tại OECD mức thuế suất trung bình là 19.7% (theo báo cáo của Tổ chức Thuế - Tax Foundation 2020). Từ đó cho thấy việc tăng thuế suất GTGT phổ thông là hoàn toàn khả thi tại nhóm nước này.

❖ Thuế thu nhập

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, hầu hết ở các nước đang phát triển trong đó bao gồm cả các nước có thu nhập thấp và trung bình thấp, số lượng doanh nghiệp có quy mô nhỏ chiếm tỷ trọng khá cao. Vì thế công tác hỗ trợ các doanh nghiệp này được xem là nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách nước, là động lực tăng trưởng của nền kinh tế. Mức hỗ trợ được áp dụng thông qua nhiều hình thức, tuy nhiên một hình thức rất được các doanh nghiệp quan tâm là miễn hoặc giảm thuế nhằm thúc đẩy đầu tư.

Đối với thuế thu nhập cá nhân, có thể miễn, giảm một số loại thu nhập, cho phép miễn giảm một số tiền thuế nhất định dưới hình thức tạm thời chưa thu thuế đối với một số khoản thu nhập đối với một số đối tượng trong những hoàn cảnh nhất định (như lãi tiền gửi tiết kiệm). Xác định mức thuế suất và biểu thuế cho từng loại thu nhập của người nộp thuế. Áp dụng biểu thuế suất lũy tiến từng phần cho các loại thu nhập thường xuyên, khi đó thuế suất trung bình của một cá nhân tăng khi thu nhập tăng. Thuế suất toàn phần áp dụng cho các khoảng thu nhập khác. Ngoài ra cần xây dựng ngưỡng thuế suất phù hợp cho từng mức thu nhập với khoảng cách các bậc thuế hợp lý.

❖ Thuế ngoại thương

Có thể thấy FTA là một trong những chất xúc tác quan trọng cho phát triển kinh tế, chính phủ các nước có thể xem xét tái cơ cấu số thu hợp lý để hạn chế tác động của việc thực hiện cam kết cắt giảm thuế quan. Đồng thời, tiếp tục thúc đẩy cải cách, hiện đại hóa cơ quan thuế, cơ quan hải quan, tạo điều kiện

cho doanh nghiệp hoạt động, giảm số giờ làm thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí, kiểm soát hiệu quả xuất xứ hàng hóa để hưởng chính sách ưu đãi.

5.2.3.2 Nhóm nước có thu nhập trung bình cao

❖ Thuế tiêu dùng

Xây dựng ngưỡng miễn trừ đối với thuế GTGT: cũng giống như các loại thuế khác, thuế GTGT áp dụng các chi phí tuân thủ có thể là gánh nặng lớn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Vì vậy, chính phủ các nước có thể xem xét đặt ra ngưỡng miễn trừ mà các doanh nghiệp nhỏ không bắt buộc phải tính và thu thuế GTGT. Điều này có nghĩa là, những doanh nghiệp dưới ngưỡng sẽ không bị đánh thuế GTGT đối với sản phẩm đầu ra đã bán cho khách hàng nhưng cũng không được hoàn thuế GTGT đối với đầu vào kinh doanh. Hình thức áp dụng ngưỡng miễn trừ đang được áp dụng tại các nước phát triển như Anh, Pháp, Ba Lan, Nhật Bản.

❖ Thuế thu nhập

Để giảm thiểu “cuộc chạy đua tới đáy” đối với thuế suất thuế TNDN, một trong những giải pháp cho vấn đề này là áp dụng thuế suất doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu. Từ đây có thể hạn chế việc các công ty đa nước đang ký kinh doanh ở những “thiên đường thuế” – (tax havens).

Về việc đánh thuế thu nhập vốn cá nhân, các cải cách đã có xu hướng tăng nhẹ thuế suất đối với lãi vốn và cổ tức, nhưng một số nước đã mở rộng ưu đãi thuế để khuyến khích tiết kiệm lương hưu và tiết kiệm của những người tiết kiệm nhỏ.

❖ Thuế ngoại thương

Việc bãi bỏ thuế quan sẽ là một lựa chọn đơn giản để thúc đẩy tăng trưởng bởi vì nó có thể được thực hiện, đồng thời sẽ cứu trợ kịp thời cho các doanh nghiệp và hộ gia đình đang làm việc trở lại gần mức bình thường khi đại dịch rút đi. Tính kịp thời của việc miễn giảm thuế quan là một lợi thế mà nó có so với các lựa chọn thuế hỗ trợ tăng trưởng khác có thể mất thời gian để có hiệu lực.

5.2.4 Một số gợi ý chính sách đối với Việt Nam

Hoàn thiện hệ thống thuế:

Tiếp tục đơn giản hóa các qui định, thủ tục về thuế.

Nâng cao tính ổn định của chính sách.

Phát triển hệ thống công nghệ thông tin

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ

TẠP CHÍ

1. Trần Xuân Hằng & Nguyễn Thị Kim Chi (2019). Các yếu tố tác động đến doanh thu thuế: Thực nghiệm từ các quốc gia ASEAN và kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing* số 50, trang 17.
2. Phan Thị Hằng Nga & Trần Xuân Hằng (2019). Phân tích tác động của chính sách thuế đến kinh tế - xã hội Việt Nam. *Kinh tế và Dự báo* số 17, trang 15.
3. Hồ Thủy Tiên & Trần Xuân Hằng (2020). Cấu trúc thuế và tự do hóa thương mại: Nghiên cứu thực nghiệm tại các nước ASEAN. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing* số 57, trang 1.
4. Nguyễn Văn Thuận, Trần Xuân Hằng, Nguyễn Minh Hằng & Nguyễn Thị Kim Chi (2020). Tác động của thuế đến tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển khu vực Châu Á. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing* số 60, trang 31.
5. Nguyen, M. L. T., Hang, N. P. T., Bui, T. N., & Tran, H. X. (2020). Interrelation of tax structure and economic growth: a case study. *Journal of Security & Sustainability Issues*, 9(4). Scopus Q2.
6. Nguyễn Văn Thuận, Nguyễn Thị Kim Chi, Trần Xuân Hằng, Nguyễn Minh Hằng (2021). Tác động của chính sách thuế đến đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các quốc gia ASEAN. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing* số 61, trang 31.
7. Trần Xuân Hằng & Hồ Thủy Tiên (2021). Các yếu tố tác động đến cấu trúc thuế tại các quốc gia đang phát triển. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing* số 63, trang 1-15.
8. Dang, V.C & Tran, H.X (2021). The impact of financial distress on tax avoidance: An empirical analysis of the Vietnamese listed companies. *Cogent Business & Management*, 8(1). Scopus Q2

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1. Trần Xuân Hằng (2019) – Thành viên. *Lựa chọn mô hình và đánh giá tác động của chính sách thuế đối với kinh tế xã hội*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Bộ tài Chính. Chủ nhiệm: PGS.TS Nguyễn Thị Mỹ Linh – PGS.TS Phan Thị Hằng Nga
2. Trần Xuân Hằng (2020) – Chủ nhiệm. *Cấu trúc thuế và tăng trưởng kinh tế: Bằng chứng thực nghiệm tại các quốc gia đang phát triển tại khu vực Châu Á*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. Trường Đại học Tài chính – Marketing.
3. Trần Xuân Hằng (2020) – Thành viên. *Tác động của thuế đến đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của các quốc gia ASEAN*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. Trường Đại học Tài chính – Marketing. Chủ nhiệm: ThS. Nguyễn Thị Kim Chi
4. Trần Xuân Hằng (2020) – Thành viên. *Đánh giá tác động của chính sách thuế đến kinh tế xã hội tại Việt Nam*. Sách chuyên khảo. Trường Đại học Tài chính – Marketing.
5. Trần Xuân Hằng (2021) – Thành viên. *Tác động của các yếu tố đến năng lực cạnh tranh và mức độ ổn định tài chính của ngân hàng thương mại Việt Nam*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. Trường Đại học Tài chính – Marketing. Chủ nhiệm: ThS. Phạm Thủy Tú

HỘI THẢO QUỐC TẾ

1. Dang Van Cuong, Tran Xuan Hang (2020). *The impact of financial distress on tax avoidance: an empirical the Vietnamese listed companies*. The first International Conference on Science, Economics and Society UEF 2020.
2. Ho Thuy Tien, Tran Xuan Hang, Nguyen Minh Hang & Nguyen Thi Kim Chi (2020). *The impact of tax revenues on economic growth: evidence from developing economies*. The first International Conference on Science, Economics and Society UEF 2020.
3. Thuy Tien Ho, Van Cuong Dang & Hang Xuan Tran (2021). *The factors impact on tax structure in developing countries*. International Conference on Business and Finance 2021, University of Economics Ho Chi Minh City, Vietnam.